



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Trường	Thành viên
Ông Phạm Văn Hanh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tạng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thoan	Thành viên
Ông Lê Cao Khánh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Số: 535 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 do chúng tôi được bổ nhiệm là kiểm toán viên sau thời điểm này. Với các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi cũng không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 cho năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2022

Nguyễn Xuân Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 4907-2019-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020***MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.643.604.247	32.918.558.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.230.943.497	141.958.367
1. Tiền	111		2.230.943.497	141.958.367
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.306.717.450	30.145.598.888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.638.529.175	22.634.758.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	381.543.800	448.966.256
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.286.644.475	7.061.873.864
IV. Hàng tồn kho	140	9	5.105.943.300	2.631.001.732
1. Hàng tồn kho	141		5.105.943.300	2.631.001.732
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.757.352.330	11.611.803.545
II. Tài sản cố định	220		9.932.798.398	11.180.213.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.932.798.398	11.180.213.283
- Nguyên giá	222		33.224.046.834	33.221.580.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.291.248.436)	(22.041.367.049)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		824.553.932	431.590.262
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	824.553.932	431.590.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		57.400.956.577	44.530.362.532

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020***MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.841.571.458	31.329.362.532
I. Nợ ngắn hạn	310		43.379.686.204	30.709.116.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.369.258.074	3.213.114.152
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	3.533.129.427	1.565.244.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.335.379.668	2.267.281.383
4. Phải trả người lao động	314		1.093.812.942	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	7.554.281.223	6.024.710.451
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	18.177.389.506	17.423.250.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		316.435.364	215.516.164
II. Nợ dài hạn	330		461.885.254	620.245.906
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	461.885.254	620.245.906
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.559.385.119	13.201.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	13.559.385.119	13.201.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		598.000.000	498.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.244.385.119	986.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.244.385.119	986.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		57.400.956.577	44.530.362.532

Chu Thị Thập
Người lậpVũ Xuân Trường
Kế toán trưởngPhạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	137.952.860.774	124.086.616.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		137.952.860.774	124.086.616.380
4. Giá vốn hàng bán	11	19	122.291.231.809	109.360.343.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.661.628.965	14.726.272.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.539.182	5.915.470
7. Chi phí tài chính	22	21	1.993.532.914	1.916.089.696
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.993.532.914	1.916.089.696
8. Chi phí bán hàng	25	22	3.830.333.892	4.641.742.744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.343.253.116	6.103.184.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.502.048.225	2.071.171.865
11. Thu nhập khác	31	24	29.959.208	-
12. Chi phí khác	32	25	1.193.713.430	106.902.793
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.163.754.222)	(106.902.793)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.338.294.003	1.964.269.072
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	428.908.884	414.234.373
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.909.385.119	1.550.034.699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.159	910

Chu Thị Thập
Người lậpVũ Xuân Trường
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**(Theo phương pháp gián tiếp)***MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.338.294.003	1.964.269.072
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.627.440.202	1.845.304.179
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		360.695.367	(5.915.470)
- Chi phí lãi vay	06		1.993.532.914	1.916.089.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.319.962.486	5.719.747.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.161.118.562)	3.401.655.342
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.474.941.568)	1.864.674.156
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.700.836.361	(10.404.013.365)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(392.963.670)	531.537.146
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.993.532.914)	(1.916.089.696)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(314.234.373)	(583.699.842)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(464.080.800)	(408.969.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.219.926.960	(1.795.157.887)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.093.714.411)	(31.818.181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		345.454.545	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.539.182	5.915.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(740.720.684)	(25.902.711)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		38.400.139.506	35.356.640.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(37.804.360.652)	(34.705.080.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(986.000.000)	(928.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(390.221.146)	(276.440.652)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50=20+30+40$)	50		2.088.985.130	(2.097.501.250)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		141.958.367	2.239.459.617
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70=50+60+61$)	70	5	2.230.943.497	141.958.367

Chu Thị Thập
Người lập

Vũ Xuân Trường
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (nay là Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300882483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 05 năm 2022

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 11.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11.600.000.000 đồng; tương đương 1.160.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

Hoạt động chính của Công ty là (tiếp theo):

- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bắc Giang	Số 86 đường Châu Xuyên, P.Lê Lợi, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang,	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Lục Nam	Thôn Già Khê, Xã Tiên Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bồ Hạ	Phố Gia Lâm, Thị trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Đa Phúc	Xóm Công Thương, Xã Thuận Thành, Thị xã Phả Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 tại Nam Định	Km32 Sông Đào thôn Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty. Trong năm Công ty tạm trích các quỹ không quá kế hoạch phân phối theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được điều chỉnh theo Nghị quyết các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Cho

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	491.506.599	98.495.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.739.436.898	43.462.607
	2.230.943.497	141.958.367

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	14.058.365.801	8.266.854.669
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Định Phương	402.743.769	1.194.226.703
Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	2.039.520.800	1.172.778.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.137.898.805	12.000.899.396
	29.638.529.175	22.634.758.768

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Hải Toàn	74.101.754	-	242.151.754	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại 568	80.000.000	-	80.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Thu Duyên	122.430.000	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Tâm Thúy	-	-	100.000.000	-
Trả trước khác	105.012.046	-	26.814.502	-
	381.543.800	-	448.966.256	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	2.984.542.333	-	2.245.591.642	-
Ký cược, ký quỹ	946.732.149	-	620.661.895	-
Phải thu các đối, xí nghiệp	4.422.636.262	-	3.262.886.594	-
Phải thu khác	932.733.731	-	932.733.733	-
	9.286.644.475	-	7.061.873.864	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	64.517.463	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.241.836.645	-	2.466.986.152	-
Thành phẩm	-	-	1.250.266	-
Hàng hoá	864.106.655	-	98.247.851	-
	5.105.943.300	-	2.631.001.732	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyện Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B 09-DN

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	10.664.628.353	1.655.901.870	20.855.050.109	46.000.000	33.221.580.332
Mua sắm	-	-	1.093.714.411	-	1.093.714.411
Thanh lý, nhượng bán	(174.050.000)	(601.000.000)	(316.197.909)	-	(1.091.247.909)
Tại ngày 31/12/2020	10.490.578.353	1.054.901.870	21.632.566.611	46.000.000	33.224.046.834
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	4.217.787.583	756.935.508	17.021.780.417	44.863.541	22.041.367.049
Trích khấu hao	728.417.835	70.198.648	827.687.260	1.136.459	1.627.440.202
Thanh lý, nhượng bán	(70.368.594)	(158.000.010)	(149.190.211)	-	(377.558.815)
Tại ngày 31/12/2020	4.875.836.824	669.134.146	17.700.277.466	46.000.000	23.291.248.436
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	6.446.840.770	898.966.362	3.833.269.692	1.136.459	11.180.213.283
Tại ngày 31/12/2020	5.614.741.529	385.767.724	3.932.289.145	-	9.932.798.398

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	215.831.246	147.152.353
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	608.722.686	284.437.909
	824.553.932	431.590.262

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư TVHT	-	-	614.575.000	614.575.000
Công ty Xăng dầu Khu vực 1- CN Bắc Ninh	984.066.809	984.066.809	992.868.950	992.868.950
Công ty CP Đảm bảo An toàn Đường thủy Mạnh Hưng	1.037.584.000	1.037.584.000	650.319.000	650.319.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	282.506.600	282.506.600	283.858.000	283.858.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại Tâm	2.219.247.720	2.219.247.720	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	2.024.654.000	2.024.654.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lâm Đại Dương Bắc	792.000.000	792.000.000	-	-
Các khoản phải trả khác	2.029.198.945	2.029.198.945	671.493.202	671.493.202
	9.369.258.074	9.369.258.074	3.213.114.152	3.213.114.152

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Quý Đức	158.633.300	966.443.660
Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Bắc Ninh	-	558.346.725
Trường THPT Tiên Du số 1	2.700.000.000	-
Khác	674.496.127	40.454.091
	3.533.129.427	1.565.244.476

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyện Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.910.933.516		4.129.067.447		3.129.158.739		-		2.910.842.224	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		309.862.933		428.908.884		314.234.373		-		424.537.444	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		46.484.934		33.902.146		80.387.080		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		190.537.700		190.537.700		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		11.000.000		11.000.000		-		-	
	-		2.267.281.383		4.793.416.177		3.725.317.892		-		3.335.379.668	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	490.901.468	246.957.148
Bảo hiểm y tế	38.822.495	5.945.741
Bảo hiểm thất nghiệp	17.254.439	33.420.329
Bảo hiểm tại nạn lao động	4.313.610	-
Phải trả các xí nghiệp, các trạm	6.628.571.379	668.637.395
Các khoản phải trả, phải nộp khác	374.417.832	5.069.749.838
	<u><u>7.554.281.223</u></u>	<u><u>6.024.710.451</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh	5.000.000.000	5.000.000.000	15.503.000.000	15.853.000.000	4.650.000.000	4.650.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	3.148.000.000	3.148.000.000	12.219.000.000	13.403.000.000	1.964.000.000	1.964.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh	-	-	958.139.506	-	958.139.506	958.139.506
Vay cá nhân	9.275.250.000	9.275.250.000	9.720.000.000	8.390.000.000	10.605.250.000	10.605.250.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	-	-	-	-	-	-
	17.423.250.000	17.423.250.000	38.400.139.506	37.646.000.000	18.177.389.506	18.177.389.506
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	620.245.906	620.245.906	-	158.360.652	461.885.254	461.885.254
	620.245.906	620.245.906	-	158.360.652	461.885.254	461.885.254

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh	8%-9%	Thế chấp	4.650.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	10,5%-11%	Thế chấp	1.964.000.000	3.148.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Ninh	7,20%	Thế chấp	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh	8%-9%	Thế chấp	958.139.506	-
Vay cá nhân	12,00%	Tín chấp	10.605.250.000	9.275.250.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	8,00%	Tín chấp	-	-
			18.177.389.506	17.423.250.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	8,00%	2023	Thế chấp	461.885.254	620.245.906
				461.885.254	620.245.906
				461.885.254	620.245.906

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2019					
Tại ngày 01/01/2019	11.600.000.000	117.000.000	368.000.000	1.080.071.373	13.165.071.373
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	1.550.034.699	1.550.034.699
Trích quỹ bổ sung từ lợi nhuận năm trước	-	-	60.000.000	(152.071.373)	(92.071.373)
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(928.000.000)	(928.000.000)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	70.000.000	(564.034.699)	(494.034.699)
Tại ngày 31/12/2019	11.600.000.000	117.000.000	498.000.000	986.000.000	13.201.000.000
Năm 2020					
Tại ngày 01/01/2020	11.600.000.000	117.000.000	498.000.000	986.000.000	13.201.000.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	1.909.385.119	1.909.385.119
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(986.000.000)	(986.000.000)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	100.000.000	(665.000.000)	(565.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	11.600.000.000	117.000.000	598.000.000	1.244.385.119	13.559.385.119

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 387/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến phân phối lợi nhuận 2020 như sau:

	Năm 2019	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.034.699	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	70.000.000	100.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	494.034.699	565.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 8,75% vốn điều lệ)	986.000.000	1.680.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	51%	5.916.000.000	51%	5.916.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49%	5.684.000.000	49%	5.684.000.000
	100%	11.600.000.000	100%	11.600.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.600.000.000	11.600.000.000
- Vốn góp đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
- Vốn góp cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.215.034.699	1.644.106.072
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.550.034.699	1.080.071.373
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	665.000.000	564.034.699

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.160.000	1.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.160.000	1.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	598.000.000	498.000.000
	598.000.000	498.000.000

18 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	60.312.900.491	85.371.958.330
Doanh thu hợp đồng xây dựng	77.639.960.283	38.714.658.050
	137.952.860.774	124.086.616.380

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.224.539.512	80.101.982.876
Giá vốn hợp đồng xây dựng	67.066.692.297	29.258.360.601
	122.291.231.809	109.360.343.477

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.539.182	5.915.470
	7.539.182	5.915.470

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.993.532.914	1.916.089.696
	1.993.532.914	1.916.089.696

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	392.937.621	52.782.932
Chi phí nhân công	1.249.189.930	1.926.927.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.923.212	621.094.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.350.160	91.042.513
Chi phí khác bằng tiền	1.544.932.969	1.949.895.021
	3.830.333.892	4.641.742.744

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	390.335.546	573.431.707
Chi phí nhân công	2.497.447.588	2.761.198.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	555.037.854	526.459.296
Thuế, phí, lệ phí	832.159.040	538.939.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.138.831	233.178.474
Chi phí khác bằng tiền	1.938.134.257	1.469.976.896
	6.343.253.116	6.103.184.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác	29.959.208	-
	29.959.208	-

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản	368.234.549	-
Các khoản bị phạt	92.379.562	106.902.793
Chi phí khác	733.099.319	-
	1.193.713.430	106.902.793

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.338.294.003	1.964.269.072
Các khoản điều chỉnh tăng	725.340.881	106.902.793
- Chi phí không hợp lệ	725.340.881	106.902.793
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.063.634.884	2.071.171.865
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	612.726.977	414.234.373
Giảm theo Nghị Định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	(183.818.093)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	428.908.884	414.234.373

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.909.385.119	1.550.034.699
Các khoản điều chỉnh	(565.000.000)	(494.034.699)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(565.000.000)	(494.034.699)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.344.385.119	1.056.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.159	910

MẪU SỐ B 09-DN

28 . CÔNG CU TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.230.943.497	-	141.958.367	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.925.173.650	-	29.696.632.632	-
	41.156.117.147	-	29.838.590.999	

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	18.639.274.760	18.043.495.906
Phải trả người bán, phải trả khác	16.923.539.297	9.237.824.603
	35.562.814.057	27.281.320.509

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.230.943.497	-	-	2.230.943.497
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.925.173.650	-	-	38.925.173.650
	41.156.117.147	-	-	41.156.117.147
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.958.367	-	-	141.958.367
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.696.632.632	-	-	29.696.632.632
	29.838.590.999	-	-	29.838.590.999

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	18.177.389.506	461.885.254	-	18.639.274.760
Phải trả người bán, phải trả khác	16.923.539.297	-	-	16.923.539.297
	35.100.928.803	461.885.254	-	35.562.814.057
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	17.423.250.000	620.245.906	-	18.043.495.906
Phải trả người bán, phải trả khác	9.237.824.603	-	-	9.237.824.603
	26.661.074.603	620.245.906	-	27.281.320.509

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***29 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 17/01/2022, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC) đã thoái toàn bộ 591.600 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty (tỷ lệ 51%), qua đó không còn là cổ đông của Công ty.

Ngày 05/05/2022, Công ty đã đổi tên Công ty và con dấu thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động thương mại	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	60.312.900.491	77.639.960.283	137.952.860.774
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.088.360.979	10.573.267.986	15.661.628.965
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.093.714.411	1.093.714.411
Tài sản bộ phận trực tiếp	8.242.770.062	46.102.689.086	54.345.459.148
Tài sản không phân bổ	-	-	3.055.497.429
Tổng tài sản	8.242.770.062	46.102.689.086	57.400.956.577
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.910.672.368	17.545.996.356	20.456.668.724
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	23.384.902.734
Tổng nợ phải trả	2.910.672.368	17.545.996.356	43.841.571.458

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***32 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Chức danh</u>		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị			
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị</i>			
Phạm Hồng Minh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Phi Trường	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Phạm Văn Hanh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Tạng	Thành viên	18.000.000	18.000.000
<i>Thù lao thành viên Ban kiểm soát</i>			
Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	18.000.000	18.000.000
Trần Thị Thoan	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Lê Cao Khánh	Thành viên	6.000.000	-
Trần Thị Kiều	Thành viên	-	12.000.000
<i>Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>			
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	278.480.000	267.060.000
Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	241.512.000	187.690.000
Nguyễn Phi Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	227.043.400	176.564.800
Phạm Văn Hanh	Thành viên HĐQT	200.273.000	152.101.300
Nguyễn Văn Tạng	Thành viên HĐQT	198.718.000	147.418.400
Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	214.680.000	172.840.000
Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc	215.324.000	191.734.800

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM.

Chu Thị Thập
Người lậpVũ Xuân Trường
Kế toán trưởngPhạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

